

Tăng tỷ trọng

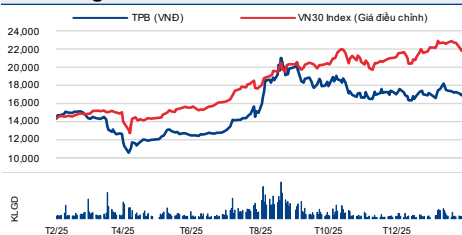
Giá mục tiêu: VND19,000

Tiềm năng tăng/giảm: 10.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	17,200
Mã Bloomberg	TPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,388-21,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	17,020
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	47,713
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,840
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,774
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	832
Slg CP NN được mua (tr.đv)	153
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.5%
Tỷ lệ freefloat	54.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Doji (6.97%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	418,028	462,560	524,765
Dư nợ cho vay (ntđ)	251,104	296,171	346,396
Tổng thu nhập HD (ntđ)	18,037	18,784	22,039
Lợi nhuận thuần (ntđ)	6,074	6,534	7,458
BVPS (đồng)	14,230	14,948	17,438
EPS (đồng)	2,299	2,473	2,823
DPS (đồng)	500	1,000	400
T.trưởng cho vay KH (%)	22.3	17.9	17.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	11.1	4.14	17.3
Tăng trưởng EPS (%)	36.1	7.57	14.1
Tăng trưởng DPS (%)	(87.2)	100	(60.0)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.7	40.4	14.2
ROAE (%)	17.3	17.0	17.4
ROAA (%)	1.57	1.48	1.51
Tỷ lệ NIM (%)	3.67	3.35	3.38
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	38.7	38.1
Hệ số CAR (%)	13.2	12.9	12.7
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.51	1.99	1.90
LLR/nợ xấu (%)	81.5	93.0	96.9
Hệ số LDR (%)	103	103	102
P/B (lần)	1.21	1.15	0.99
P/E (lần)	7.48	6.95	6.09
Lợi suất cổ tức (%)	2.91	5.81	2.33

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập vào năm 2008, TPB được thừa hưởng thế mạnh một cơ cấu cổ đông đặc biệt, bao gồm nhiều tập đoàn, công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận Q4 vượt dự báo nhờ cắt giảm chi phí

- TPB đã công bố LNTT Q4/2025 đạt 3.155 tỷ đồng (tăng 48% so với cùng kỳ) nhờ thu nhập lãi thuần tăng 17%, chi phí hoạt động giảm 32% và chi phí dự phòng giảm 18%. Theo đó, LNTT cả năm 2025 đạt 9.203 tỷ đồng (tăng trưởng 21%), hoàn thành 113% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng ổn định ở mức 19,1% so với cùng kỳ trong khi tỷ lệ NIM phục hồi 12 điểm cơ bản so với quý trước lên 3,26%. Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,29% và chi phí dự phòng giảm 18% so với cùng kỳ.
- Sau khi giá cổ phiếu đi ngang kể từ đầu năm, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,97 lần, thấp hơn 30% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,26 lần. HSC duy trì xếp hạng Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 30/1/2026

TPB đã công bố LNTT Q4/2025 đạt 3.155 tỷ đồng, tăng mạnh 48% so với cùng kỳ nhờ thu nhập lãi thuần tăng 17% so với cùng kỳ, chi phí hoạt động giảm mạnh 32% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm 18% so với cùng kỳ.

LNTT cả năm 2025 đạt 9.203 tỷ đồng, tăng trưởng 21% và hoàn thành 113% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng vững chắc trong Q4

Tổng dư nợ tín dụng tăng 19,1% so với cùng kỳ (tăng 3% so với quý trước) lên 310 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ dư nợ cho vay tăng 22,2% so với cùng kỳ lên 306 nghìn tỷ đồng (tăng 3,9% so với quý), trong khi giá trị TPDN nắm giữ giảm 55,1% so với cùng kỳ (giảm 20% so với quý trước) xuống 4,6 nghìn tỷ đồng. Trong đó, cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn/DNNVV tăng 24,2% so với cùng kỳ lên 159 nghìn tỷ đồng và cho vay bán lẻ tăng 20,5% so với cùng kỳ lên 147 nghìn tỷ đồng.

Về phía huy động, tiền gửi khách hàng tăng 14,9% so với cùng kỳ (tăng 7,7% so với quý trước) lên 279 nghìn tỷ đồng, vay liên ngân hàng tăng 18,6% so với cùng kỳ lên 112 nghìn tỷ đồng và giấy tờ có giá tăng 60,6% so với cùng kỳ lên 59 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn đã tăng lên 22,6% từ 19% tại thời điểm cuối Q3/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025, TPB

LNTT năm 2025 của TPB hoàn thành 113% dự báo cả năm và vượt kỳ vọng của chúng tôi

(Tỷ đồng)	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,068	3,595	17%	12,905	13,368	4%	98%
Thu nhập ngoài lãi	2,053	1,759	-14%	5,132	5,610	9%	110%
Lãi thuần HD dịch vụ	909	1,224	35%	3,364	4,158	24%	103%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	282	388	38%	319	694	118%	218%
Thu nhập từ đầu tư	725	(2)	-100%	1,096	168	-85%	60%
Thu nhập khác	137	22	-84%	354	462	31%	96%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	128		0	128		
Tổng thu nhập HD	5,121	5,355	5%	18,037	18,978	5%	101%
Chi phí HD	(1,794)	(1,222)	-32%	(6,278)	(6,573)	5%	90%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,327	4,133	24%	11,759	12,404	5%	108%
Chi phí dự phòng	(1,191)	(978)	-18%	(4,159)	(3,201)	-23%	96%
LNTT	2,136	3,155	48%	7,600	9,203	21%	113%
Lợi nhuận thuần	1,705	2,543	49%	6,074	7,380	21%	113%

Nguồn: TPB, HSC

Tỷ lệ NIM tăng 12 điểm cơ bản so với quý trước nhưng vẫn giảm so với cùng kỳ

Tỷ lệ NIM tăng 12 điểm cơ bản so với quý trước lên 3,26% (giảm 8 điểm cơ bản so với cùng kỳ), trong đó lợi suất gộp tăng 51 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 54 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 8,01% và chi phí huy động tăng 33 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 66 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 4,89%. Thu nhập lãi thuần Q4/2025 tăng 17% so với cùng kỳ lên 3.595 tỷ đồng.

Trong năm 2025, tỷ lệ NIM bình quân đạt 3,3%, giảm 48 điểm cơ bản so với cùng kỳ - nhìn chung tương đương bình quân các ngân hàng trong phạm vi phân tích của chúng tôi (giảm khoảng 35 điểm cơ bản). Thu nhập lãi thuần cả năm đạt 13.368 tỷ đồng (tăng trưởng 4%), hoàn thành 98% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi cốt lõi tăng; tăng trưởng thu nhập phí và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hồi bù đắp sự sụt giảm của thu nhập đầu tư

Thu nhập ngoài lãi giảm 14% so với cùng kỳ trong Q4/2025 xuống 1.759 tỷ đồng, trong đó:

- Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 35% so với cùng kỳ đạt 1.224 tỷ đồng. Trong đó, thu nhập từ dịch vụ thanh toán tăng 12% so với cùng kỳ đạt 393 tỷ đồng, trong khi hoa hồng bancassurance giảm 33% so với cùng kỳ xuống 53 tỷ đồng.

Đáng chú ý, thu nhập phí khác tăng mạnh 57% so với cùng kỳ đạt 1.179 tỷ đồng nhờ nguồn doanh thu mới từ quá trình số hóa của TPB trong lĩnh vực cho vay và dịch vụ thanh toán, đặc biệt là tài chính tiêu dùng.

- Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hồi tăng 38% so với cùng kỳ đạt 388 tỷ đồng.
- HĐ đầu tư/kinh doanh nguồn vốn lỗ 2 tỷ đồng sau khi lãi 725 tỷ đồng trong Q4/2024. Chúng tôi cho rằng kết quả này do lợi suất TPCP Việt Nam tăng cao lên khoảng 4,2% từ khoảng 3,1% tại thời điểm đầu năm 2025.

Chi phí hoạt động giảm đáng kể

Tổng chi phí hoạt động giảm 32% so với cùng kỳ trong Q4/2025 xuống 1.222 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí tiền lương giảm 41% so với cùng kỳ xuống 549 tỷ đồng và chi phí quản lý khác giảm 42% so với cùng kỳ xuống 299 tỷ đồng, mặc dù số lượng nhân viên vẫn tăng 4% so với cùng kỳ lên 7.959 người.

Hệ số CIR hàng quý giảm xuống 22,8% so với 37,9% trong Q3/2025 và 35% trong Q4/2024.

Chất lượng tài sản cải thiện nhưng một số lo ngại vẫn hiện hữu

Tỷ lệ nợ xấu của TPB giảm xuống 1,29% từ 2,23% tại thời điểm cuối Q3/2025, thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành (1,79%). Tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,65% từ 1,78%. tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng mạnh lên 92% từ 61% trong Q3/2025.

Ngân hàng đã xử lý một khoản nợ xấu đáng kể trị giá 1.367 tỷ đồng trong Q4/2025, so với 535 tỷ đồng trong Q3/2025 và 1.228 tỷ đồng trong Q4/2024.

Chi phí dự phòng giảm 18% so với cùng kỳ xuống 978 tỷ đồng trong Q4/2025, tương đương chi phí tín dụng ở mức 1,41% (so với 1,37% trong Q3/2025). Trong năm 2025, chi phí dự phòng giảm 23% so với cùng kỳ xuống 3.201 tỷ đồng, hoàn thành 96% dự báo cả năm của chúng tôi.

Lưu ý rằng sau khi TPB mua lại ORS (Chưa niêm yết), “các khoản phải thu khác” trong bảng CĐKT hợp nhất đã tăng thêm 8,4 nghìn tỷ đồng, tương đương 1,66% tổng tài sản. Số dư này chủ yếu là các khoản phải thu của ORS

đã xuất hiện trước khi TPB mua lại ORS. Như đã phân tích trong báo cáo trước đó, khoản mục này nên được xem là tài sản tồn đọng đang trong quá trình xử lý và có thể cần phải trích lập dự phòng trong tương lai.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Lợi nhuận cốt lõi năm 2025 nhìn chung sát với kỳ vọng trong khi chi phí hoạt động và chi phí dự phòng thấp hơn giả định giúp lợi nhuận thuần vượt dự báo của chúng tôi. HSC vẫn thận trọng về chất lượng tài sản, đặc biệt là ở lĩnh vực cho vay tiêu dùng & các khoản mục liên quan đến ORS, điều này có thể làm tăng chi phí dự phòng và ảnh hưởng đến lợi nhuận trong tương lai.

Sau khi giá cổ phiếu nhìn chung đi ngang kể từ đầu năm, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,97 lần, thấp hơn 30% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,26 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	28,559	25,948	29,620	35,613	41,277
Chi phí lãi	(16,135)	(13,042)	(15,950)	(19,831)	(22,975)
Thu nhập lãi thuần	12,425	12,905	13,671	15,782	18,302
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,279	3,364	4,027	4,766	5,398
Lãi thuần HĐ KDNH	779	319	319	319	319
Lãi/lỗ từ mua bán CK	856	1,096	280	650	480
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0.04	7.08	22.5	22.0
Thu nhập khác	(105)	354	480	500	600
Tổng thu nhập HĐ	16,234	18,037	18,784	22,039	25,121
Chi phí HĐ	(6,699)	(6,278)	(7,266)	(8,390)	(9,530)
LN trước dự phòng	9,535	11,759	11,518	13,649	15,591
Chi phí dự phòng	(3,946)	(4,159)	(3,351)	(4,326)	(4,970)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,589	7,600	8,167	9,323	10,621
Chi phí thuế TNDN	(1,126)	(1,526)	(1,633)	(1,865)	(2,124)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,463	6,074	6,534	7,458	8,497
EPS (đồng)	1,689	2,299	2,473	2,823	3,216
DPS (đồng)	3,900	500	1,000	400	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,202	2,642	2,642	2,642	2,642
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,202	2,642	2,642	2,642	2,642

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,339	1,293	1,547	1,223	1,895
Tiền gửi tại NHNN	9,212	22,708	12,424	11,592	13,679
Tiền gửi tại các TCTD khác	52,352	70,521	74,047	77,749	81,637
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	202,678	248,005	290,675	340,030	394,574
Tổng dư nợ cho vay	205,355	251,104	296,171	346,396	401,701
Dự phòng rủi ro	(2,677)	(3,098)	(5,496)	(6,366)	(7,126)
Chứng khoán đầu tư	65,336	59,472	66,888	75,244	84,722
CK đầu tư sẵn sàng để bán	65,392	59,549	66,921	75,277	84,755
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	44.7	44.7	44.7	44.7	44.7
Dự phòng rủi ro	(100)	(122)	(77.7)	(77.7)	(77.7)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,059	1,222	1,283	1,347	1,414
Tài sản khác	23,662	14,807	15,695	17,579	19,688
Tổng tài sản	356,637	418,028	462,560	524,765	597,610
Nợ phải trả	323,894	380,432	423,067	478,695	544,143
Tiền gửi của NHNN	338	238	286	343	412
Tiền gửi của các TCTD khác	83,966	94,514	83,733	82,896	82,067
Tổng tiền gửi KH	208,262	242,806	288,939	340,948	402,319
Trái phiếu và CCTG	24,216	36,633	43,959	48,355	53,191
Nợ khác	6,972	6,016	6,016	6,016	6,016
Vốn chủ sở hữu	32,743	37,596	39,493	46,070	53,466
Vốn điều lệ	22,016	26,420	22,016	22,016	22,016
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	7,674	7,455	12,802	18,261	24,383
Quỹ & vốn khác của CSH	3,052	3,722	4,674	5,793	7,067
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	356,637	418,028	462,560	524,765	597,610
BVPS (đồng)	14,872	14,230	14,948	17,438	20,237

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.52	17.2	10.7	13.4	13.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	27.4	22.3	17.9	17.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	6.82	16.6	19.0	18.0	18.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	7.93	20.2	19.1	16.9	17.0
Tăng trưởng VCSH (%)	1.56	14.8	5.04	16.7	16.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	9.12	3.87	5.93	15.4	16.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	12.7	(6.28)	15.7	15.5	13.6
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(1.42)	23.3	(2.06)	18.5	14.2
Tăng trưởng LNTT (%)	(28.6)	36.0	7.46	14.1	13.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	(28.7)	36.1	7.57	14.1	13.9
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.74	4.66	4.27	4.46	4.48
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.96)	(1.62)	(1.65)	(1.70)	(1.70)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	89.3	90.8	92.7	94.7	94.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.12	2.33	2.41	2.79	3.15
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	36.9	50.2	54.0	61.6	70.2
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.2	7.48	6.95	6.09	5.35
P/B (lần)	1.16	1.21	1.15	0.99	0.85
Lợi suất cổ tức (%)	22.7	2.91	5.81	2.33	2.91

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	27.5	33.7	34.8	33.8	33.8
ROAA (%)	1.30	1.57	1.48	1.51	1.51
ROAE (%)	13.7	17.3	17.0	17.4	17.1
Chi phí huy động BQ (%)	5.32	3.78	4.03	4.46	4.55
Lợi suất góp BQ (%)	9.34	7.38	7.26	7.62	7.75
Lợi suất thuần (%)	4.01	3.61	3.22	3.16	3.20
Tỷ lệ NIM (%)	4.06	3.67	3.35	3.38	3.44
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	14.0	18.6	21.4	21.6	21.5
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	76.5	71.5	72.8	71.6	72.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.42	9.80	5.78	6.77	5.66
Tỷ lệ CIR (%)	41.3	34.8	38.7	38.1	37.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	231	21.7	40.4	14.2	15.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.4	13.2	12.9	12.7	12.4
VCSH/Tổng TS (%)	9.18	8.99	8.54	8.78	8.95
Đòn bẩy vốn (lần)	10.9	11.1	11.7	11.4	11.2
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.05	1.51	1.99	1.90	1.70
Hệ số LLR (%)	63.7	81.5	93.0	96.9	105
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	98.6	103	103	102	99.8
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.5	25.3	20.1	17.6	15.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	57.6	60.1	64.0	66.0	67.2
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	121	121	121	121	121
Số lượng nhân viên	7,656	7,732	7,810	7,888	7,967

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn